

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại các chợ trên địa bàn tỉnh Yên Bái

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về việc phát triển và quản lý chợ; Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 575/TTr-SCT ngày 14 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại các chợ trên địa bàn tỉnh Yên Bái

Bổ sung thứ tự VI, Biểu 1 của Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND đối với chợ Yên Thịnh (mới), phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 4 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành: Sở Tài chính, Sở Công Thương, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước Yên Bái; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *mv*

- Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra văn bản);
- TT Điều hành thông minh tỉnh YB;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu VT, CN, TC. *ly*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Huy Tuấn

**GIÁ DỊCH VỤ ĐIỆN TÍCH BÁN HÀNG TẠI CHỢ ĐƯỢC
ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số **08** /2023/QĐ-UBND ngày **13** /4/2023 của Ủy ban nhân tỉnh Yên Bái)

Biểu 1: Bổ sung Giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ Yên Thịnh (mới), phường Yên Thịnh

STT	Tên chợ	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
VI	Chợ Yên Thịnh (mới) phường Yên Thịnh (chợ hạng 3)			
1	Kinh doanh cố định có thuê quày (ki ốt)			Giá cụ thể
	- Vị trí 1 (các điểm có vị trí thuận lợi): Gồm 15 điểm thuộc khối nhà A: là các điểm thuộc ki ốt số 01 đến ki ốt số 15	Đồng/m2/tháng	85.000	
	- Vị trí 2 (các điểm có vị trí tương đối thuận lợi): Gồm 20 điểm thuộc khối nhà B, khối nhà C: Là các điểm thuộc ki ốt số 16 đến ki ốt 35	Đồng/m2/tháng	75.000	
2	Kinh doanh cố định không có quày (ki ốt) có mái che			Giá cụ thể
	Kinh doanh cố định có mái che gồm 50 điểm: thuộc khối đình chợ chính, từ điểm số 36 đến điểm số 85	Đồng/m2/tháng	40.000	
3	Kinh doanh lưu động	Đồng/lượt	3.000	